TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH** Bản án số: 06/2023/DS -ST Ngày: 13 - 01 - 2023 V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

/- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Đắc Toàn
  Ông Phạm Ngọc Đông
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương
  Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- ***Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa***:
  Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên

***

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2022/TLST - DS, ngày 24 tháng 06 năm 2022 về việc tranh chấp *"hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 371/2022/QĐXX-ST ngày 20/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Quỳnh T, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Tổ 1, khu vực 11, phường N, TP.Q, tỉnh B (có mặt)

Bị đơn: Ông Võ Toàn Q; Địa chỉ: 70/4 V, TP.Q, tỉnh B. Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Duy T1, sinh năm 1983, Địa chỉ: số 130/22 N, thành phố Q - văn bản ủy quyền ngày 30/12/2022 - (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/03/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trịnh Thị Quỳnh T trình bày: Bà quen biết ông Q qua bạn bè, tin tưởng ông Q nên ngày 02/08/2019 bà có cho ông Võ Toàn Q mượn số tiền 50.000.000 đồng, ngày 12/8/2019 ông Q mượn thêm của bà 50.000.000 đồng. Mục đích: để làm ăn. Cả hai lần mượn tiền ông Q đều viết giấy mượn tiền và ký xác nhận. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nhưng có thỏa thuận miệng khi nào bà cần thì ông Q trả. Sau đó bà yêu cầu ông Q trả nợ rất nhiều lần nhưng ông Q cứ hẹn mà không thực hiện việc trả nợ. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông Võ Toàn Q phải thanh toán một lần số tiền đã mượn 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Sau khi ông Q mượn tiền có trả lãi cho bà 02 tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng thời gian trả bà không nhớ rõ do đó bà không yêu cầu Tòa giải quyết lãi suất đã trả và lãi chậm trả. Nay ông T1 đề xuất mỗi tháng ông Q trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ, bà không đồng ý.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết bà đã liên hệ với ông Q nhiều lần không được nên bà có yêu cầu Tòa án thông báo đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng để xét xử theo quy định. Nay ông Q ủy quyền cho ông T1 tham gia tố tụng bà yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại bản khai ngày 10/01/2023 và lời khai tại phiên tòa ông Huỳnh Duy T1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông thừa nhận ông Q có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng vào năm 2019 mục đích vay để làm ăn. Khi vay, ông Q có viết giấy mượn tiền cho bà T có chữ ký xác nhận, cụ thể: ngày 02/08/2019 vay 50.000.000 đồng và ngày 12/08/2019 vay 50.000.000 đồng. Về lãi vay và thời hạn trả hai bên không thỏa thuận trong giấy mượn tiền. Từ tháng 8/2019 đến nay ông Q đã trả lãi cho bà T hơn 20 tháng với mức lãi 4%/tháng nhưng ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tiền lãi đã trả. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông Q chưa trả số tiền nói trên cho bà T được. Nay ông Q đồng ý trả nhưng xin kéo dài thời hạn trả, cụ thể mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến hết số tiền 100.000.000 đồng nói trên.

Hiện ông Q công tác ở xa nên việc bà T khởi kiện tại Tòa án và việc Tòa án đăng tin vụ việc trên phương tiện thông tin đại chúng ông Q không biết. Nay ông đại diện theo ủy quyền của ông Q, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Q:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71, 86 BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTTDS

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định**:**

[1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 02/08/2019 vay 50.000.000 đồng và ngày 12/08/2019 vay 50.000.000 đồng, hai bên có viết giấy mượn tiền nhưng không thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất. Tuy nhiên, giữa hai bên đương sự thống nhất số tiền lãi suất bị đơn đã trả và lãi chậm trả nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Những lời trình bày trên hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khởi kiện và những chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2]. Xét hợp đồng vay giữa bà T và ông Q là hợp đồng vay không kỳ hạn và có thoả thuận lãi suất, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông Q trả nợ nhưng cho đến nay ông Q chưa trả là vi phạm hợp đồng. Do đó, bà T yêu cầu ông Q phải trả số tiền còn nợ 100.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[2.1]. Về tiền lãi: bà T và ông Q không yêu cầu Tòa xem xét về tiền lãi đã trả và tiền lãi chậm trả do đó Hội đồng xét xử không xem xét về tiền lãi.

[2.2]. Ông Q xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà T chấp nhận, không phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nói trên của ông Q.

[3].Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí. Ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Chi phí tố tụng khác: lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng bà Trịnh Thị Quỳnh T phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự (bà T đã nộp xong)

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ:

- Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Quỳnh T. Buộc ông Võ Toàn Q phải trả cho bà T số tiền: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Toàn Q về việc xin được trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

3. Chi phí tố tụng khác: Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng bà Trịnh Thị Quỳnh T phải chịu (bà T đã nộp xong)

4. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Võ Toàn Q phải chịu án phí DSST 5.000.000 đồng. Hoàn trả cho bà Trịnh Thị Quỳnh T 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004133 ngày 23/06/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B ;
- VKSND TP. Q;
- Chi cục THADS TP. Q ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

Trần Thị Minh Hòa